

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên xã	Số xã Nông thôn mới				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Số xã đạt chuẩn NTM giai đoạn trước năm 2021	Số xã điểm phần đầu đạt NTM giai đoạn 2021-2025	Số xã điểm phần đầu đạt NTM sau năm 2025	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	
	TỔNG CỘNG					620.950	214.825	406.125	
A	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG PHÂN BỐ THEO HỆ SỐ (Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022)					610.950	204.825	406.125	
I	Huyện thực hiện bộ tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025					122.876	27.586	95.290	
1	Huyện NTM Châu Thành					63.908	13.793	50.115	
2	Huyện NTM Chợ Mới					58.968	13.793	45.175	
II	Huyện thực hiện tiêu chí cho các xã NTM và xã phần đầu NTM	103	56	30	17	488.074	177.239	310.835	
1	Thành phố Long Xuyên	2	2	0	0	1.379	1.379	0	
2	Thành phố Châu Đốc	2	2	0	0	1.379	1.379	0	
3	Thị xã Tân Châu	9	4	5	0	86.479	17.241	69.238	
4	Thị xã Tịnh Biên	5	1	2	2	23.483	14.483	9.000	

TT	Tên xã	Số xã Nông thôn mới				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024			Ghi chú
		Tổng số	Số xã đạt chuẩn NTM giai đoạn trước năm 2021	Số xã điểm phần đầu đạt NTM giai đoạn 2021-2025	Số xã điểm phần đầu đạt NTM sau năm 2025	Tổng số	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương đối ứng	
5	Huyện Thoại Sơn	14	14	0	0	9.655	9.655	0	
6	Huyện Châu Phú	11	6	4	1	21.379	21.379	0	
7	Huyện Chợ Mới	15	9	6	0	73.022	22.759	50.263	
8	Huyện Châu Thành	11	5	6	0	151.434	22.758	128.676	
9	Huyện Phú Tân	16	7	3	6	64.002	30.344	33.658	
10	Huyện Tri Tôn	7	4	2	1	20.345	10.345	10.000	
11	Huyện An Phú	11	2	2	7	35.517	25.517	10.000	
B	CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN PHẨM (OCOP)					10.000	10.000		